

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018
CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH
THANH NIÊN XUNG PHONG
(ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP)



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	1 – 4
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 – 6
3. Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2018	7 – 8
4. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018	9
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2018	10
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2018	11 – 33

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Thanh Niên Xung Phong (gọi tắt là Công ty) trình bày Báo cáo này cùng các Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán năm 2018 của Công ty.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Thanh Niên Xung Phong hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số **0300691622** do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 06 tháng 08 năm 2010 (được chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ công ích Thanh niên Xung phong, chứng nhận Đăng ký kinh doanh gốc số 4106000333 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 01 năm 2017). Trong quá trình hoạt động, Công ty đã đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 08 vào ngày 05 tháng 02 năm 2018.

Tên Công ty viết tắt: BESCO

Vốn điều lệ: 469.946.000.000 VND

(Bốn trăm sáu mươi chín tỷ, chín trăm bốn mươi sáu triệu đồng).

Ngành nghề kinh doanh:

- Hoạt động công ích: Trồng rừng và chăm sóc rừng. Khai thác, xử lý và cung cấp nước ngọt cho huyện Cần Giờ. Khai thác, kinh doanh nước sinh hoạt. Khai thác, sản xuất, kinh doanh nước tinh khiết. Tham gia xây dựng các công trình tiện ích công cộng và phúc lợi xã hội. Dịch vụ giữ xe. Đại lý bán vé máy bay. Dịch vụ giữ nón bảo hiểm.
- Khai thác gỗ: khai thác, chế biến nông sản để tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Sản xuất đồ gỗ xây dựng, sản xuất bao bì bằng gỗ, sản xuất sản phẩm từ gỗ, sản xuất từ lâm sản, cói và vật liệu tết bện, sản xuất giường, tủ, bàn ghế bằng gỗ. Sản xuất vật liệu xây dựng. Sản xuất dụng cụ thể thao. Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, hàng trang trí nội thất, đồ gỗ mỹ nghệ, đồ sơn mài, đồ chạm khắc trang trí.
- Xây dựng và kinh doanh nhà. Xây dựng các công trình giao thông với quy mô vừa và nhỏ. Thi công xây dựng cầu đường và san lấp mặt bằng. Xây dựng công trình cấp nước, thoát nước, công trình thủy lợi và hạ tầng kỹ thuật. Xây dựng điện đến cấp điện áp 35KV. Hoàn thiện công trình xây dựng.
- Dịch vụ bán đấu giá tài sản. Dịch vụ đại lý hàng xuất nhập khẩu.
- Mua bán nông, lâm sản, hải sản, công nghệ phẩm.

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THANH NIÊN XUNG PHONG

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo).

- Mua bán hàng tiêu dùng, hàng trang trí nội thất. Bán buôn, bán lẻ giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất, tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến.
- Mua bán hàng tiểu thủ công nghệ, máy móc, thiết bị, vật tư nguyên liệu. Mua bán vật liệu xây dựng.
- Kinh doanh vận chuyển hàng khách theo tuyến cố định, theo hợp đồng. Kinh doanh vận tải hành khách ngang sông. Khách sạn, dịch vụ ăn uống.
- Kinh doanh bất động sản. Cho thuê nhà, mua bán nhà ở, nhận quyền sử dụng đất để xây dựng nhà ở bán hoặc cho thuê, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo quy hoạch xây dựng nhà ở để chuyển quyền sử dụng đất. Dịch vụ mua bán, cho thuê nhà ở. Cho thuê kiot, trung tâm thương mại. Cho thuê nhà có trang bị kỹ thuật đặc biệt. Doanh nghiệp quản lý vận hành nhà chung cư.
- Sàn giao dịch bất động sản, định giá bất động sản, tư vấn bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản, môi giới đầu tư bất động sản. Dịch vụ nhà đất.
- Tổ chức dịch vụ tư vấn đầu tư trong và ngoài nước.
- Thiết kế xây dựng Công trình dân dụng.
- Quảng cáo bất động sản.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 19 Yersin, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (028) 39 141 900 Fax: (028) 39 141 903
- Mã số thuế: 0 3 0 0 6 9 1 6 2 2
- Email: ctdvci.tnxbp@tphcm.gov.vn

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng thành viên

Chức vụ

- | | |
|---------------------------|------------------------------|
| 1. Ông Trần Ngọc Hiến Tâm | Chủ tịch Hội đồng thành viên |
| 2. Ông Lê Thành Khoa | Thành viên |
| 3. Ông Trịnh Phương Thái | Thành viên |

Ban Kiểm soát

Chức vụ

- | | |
|--------------------|----------------|
| 1. Bà Lê Uyển Ngọc | Kiểm soát viên |
|--------------------|----------------|

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THANH NIÊN XUNG PHONG

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo).

Ban Giám đốc	Chức vụ
1. Ông Lê Thành Khoa	Giám đốc
2. Ông Trần Duy Nguyên	Phó Giám đốc
3. Ông Lê Chí Đăng	Phó Giám đốc

Người đại diện pháp luật

Người đại diện pháp luật của Công ty đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Lê Thành Khoa – Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Đông Nam thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán này. Công ty Kiểm toán Đông Nam bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày phát hành Báo cáo tài chính này mà cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính này và cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- * Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- * Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- * Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- * Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, các sổ kế toán thích hợp đã được lưu giữ đầy đủ để phản ánh hoặc truy cập tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THANH NIÊN XUNG PHONG

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo).

Ban Giám đốc Công ty xác nhận, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho niên độ kế toán 2018 kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.



Thay mặt Ban Giám đốc Công ty

Lê Thành Khoa – Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2019.



Số: 48/2018/BCKT/ĐN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018 CỦA
CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THANH NIÊN XUNG PHONG

KÍNH GỬI: HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THANH NIÊN XUNG PHONG

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Thanh Niên Xung Phong (gọi tắt là Công ty) được trình bày từ trang 7 đến trang 33 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán niên độ này không bao gồm các thủ tục quan sát kiểm kê tại thời điểm cuối năm.



Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Phạm vi giới hạn của kiểm toán viên

Tại thời điểm phát hành báo cáo này, do bị giới hạn về thời gian và phạm vi công việc, chúng tôi nhận được một số thông tin về việc đối chiếu, xác nhận số dư cuối năm của các chỉ tiêu như sau: Phải thu ngắn hạn của khách hàng (tỷ lệ 23,42%), Phải trả người bán ngắn hạn (tỷ lệ xác nhận 74,88%) từ bên thứ ba cung cấp.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Trên cơ sở các công việc đã thực hiện, xem xét, kiểm tra, đánh giá tình hình tài chính và các bằng chứng kiểm toán đã thu thập được, ngoại trừ phạm vi giới hạn nêu trên, theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Thanh Niên Xung Phong tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả sản xuất, kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày.

Công ty TNHH Kiểm toán Đông Nam



Phạm Bảo Trung – Phó Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Số: 1557-2018-216-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2019.

Tà Xuân Vinh - Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Số: 3599-2016-216-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. Tài sản ngắn hạn		782.577.530.916	822.997.461.579
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	190.756.357.119	195.163.765.479
111	1 Tiền		25.519.581.279	34.298.091.802
112	2 Các khoản tương đương tiền		165.236.775.840	160.865.673.677
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	V.2	397.556.782.230	451.040.713.482
131	1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2.1	124.045.589.548	178.782.866.754
132	2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.2.2	5.931.196.598	2.708.410.315
133	3 Phải thu nội bộ ngắn hạn	V.2.3	18.520.494.902	-
136	4 Phải thu ngắn hạn khác	V.2.4	252.096.710.701	272.384.029.932
137	5 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.2.5	(3.726.157.261)	(3.523.541.261)
139	6 Tài sản thiếu chờ xử lý	V.2.6	688.947.742	688.947.742
140	IV. Hàng tồn kho	V.3	187.926.929.534	170.917.142.835
141	1 Hàng tồn kho	V.2.1	187.926.929.534	171.331.087.019
149	2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	V.2.2	-	(413.944.184)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	V.4	6.337.462.033	5.875.839.783
151	1 Chi phí trả trước ngắn hạn	V.4.1	1.302.088.514	1.308.594.291
153	2 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.4.2	5.035.373.519	4.567.245.492
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		317.875.141.583	323.156.639.638
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		17.180.000.000	-
216	1 Phải thu dài hạn khác	V.5	17.180.000.000	-
220	II. Tài sản cố định		140.830.322.511	143.711.521.674
221	1 Tài sản cố định hữu hình	V.6	140.800.886.844	143.711.521.674
222	- Nguyên giá		288.528.056.618	271.055.236.614
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(147.727.169.774)	(127.343.714.940)
227	2 Tài sản cố định vô hình	V.7	29.435.667	-
228	- Nguyên giá		652.293.800	610.353.800
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(622.858.133)	(610.353.800)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	V.8	15.855.631.164	34.394.552.050
242	1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		15.855.631.164	34.394.552.050
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.9	131.464.579.056	131.911.307.427
252	1 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	V.9.1	125.926.557.269	126.813.084.183
253	2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.9.2	35.992.900.000	35.992.900.000
254	3 Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	V.9.3	(30.454.878.213)	(30.894.676.756)
260	VI. Tài sản dài hạn khác	V.10	12.544.608.852	13.139.258.487
261	1 Chi phí trả trước dài hạn	V.10.1	10.370.820.410	10.965.470.045
262	2 Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	V.10.2	2.173.788.442	2.173.788.442
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.100.452.672.499	1.146.154.101.217

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THANH NIÊN XUNG PHONG

Bảng Cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		606.875.016.392	652.514.427.083
310	I. Nợ ngắn hạn	V.11	517.667.628.928	577.749.559.226
311	1 Phải trả người bán ngắn hạn	V.11.1	315.372.343.090	358.806.911.553
312	2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.11.2	745.876.420	837.458.122
313	3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.11.3	1.462.759.881	7.582.543.172
314	4 Phải trả người lao động	V.11.4	27.425.302.346	30.009.240.896
315	5 Chi phí phải trả ngắn hạn	V.11.5	46.457.075.980	69.641.652.784
316	6 Phải trả nội bộ ngắn hạn	V.11.6	-	1.607.953.592
318	7 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.11.7	73.234.073.026	74.545.188.273
319	8 Phải trả ngắn hạn khác	V.11.8	22.856.678.338	22.071.270.201
322	9 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.11.9	30.113.519.847	12.647.340.633
330	II. Nợ dài hạn	V.12	89.207.387.464	74.764.867.857
337	1 Phải trả dài hạn khác	V.12.1	79.440.672.419	64.298.152.812
338	2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.12.2	8.960.681.162	9.560.681.162
343	3 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	V.12.3	806.033.883	906.033.883
400	D VỐN CHỦ SỞ HỮU		493.577.656.107	493.639.674.134
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.13	471.284.735.180	471.447.820.207
411	1 Vốn góp của chủ sở hữu	V.13.1	468.877.975.606	393.009.657.654
414	2 Vốn khác của chủ sở hữu	V.13.2	-	75.868.317.952
418	3 Quỹ đầu tư phát triển	V.13.3	2.406.759.574	-
421	3 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	V.13.4	-	2.569.844.601
430	II. Nguồn kinh phí	V.14	22.292.920.927	22.191.853.927
431	1 Nguồn kinh phí	V.14.1	5.865.469.274	5.764.402.274
432	2 Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	V.14.2	16.427.451.653	16.427.451.653
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.100.452.672.499	1.146.154.101.217

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2019

Kế toán trưởng

Giám đốc



Đỗ Thanh Thành



Lê Thành Khoa

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2018

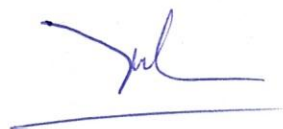
ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	397.695.503.635	453.840.168.027
02	2 Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		397.695.503.635	453.840.168.027
11	4 Giá vốn hàng bán	VI.2	362.859.368.359	407.154.971.281
20	5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		34.836.135.276	46.685.196.746
21	6 Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	22.865.105.618	24.156.003.185
22	7 Chi phí tài chính	VI.4	(439.798.543)	13.209.360.980
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
24	8 Chi phí bán hàng		-	-
25	9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	43.137.512.648	42.561.951.477
30	10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		15.003.526.789	15.069.887.474
31	11 Thu nhập khác	VI.6	1.435.998.188	3.365.017.197
32	12 Chi phí khác	VI.7	1.677.405.684	4.646.322.700
40	13 Lợi nhuận khác		(241.407.496)	(1.281.305.503)
50	14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		14.762.119.293	13.788.581.971
51	15 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.8	-	39.019.113
52	16 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17 Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp		14.762.119.293	13.749.562.858

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2019

Kế toán trưởng

Giám đốc



Đỗ Thanh Thành



Lê Thành Khoa

BAO CAO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2018

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		531.048.590.776	253.008.517.458
02	2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(323.349.409.868)	(262.687.941.829)
03	3 Tiền chi trả cho người lao động		(71.622.654.223)	(33.680.056.875)
05	4 Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(50.160.000)
06	5 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		707.009.808.349	516.290.153.480
07	6 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(851.469.529.008)	(419.886.729.574)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(8.383.193.974)	52.993.782.660
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(18.289.320.004)	(81.116.130.123)
27	2 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		22.865.105.618	24.156.003.185
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		4.575.785.614	(56.960.126.938)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
34	1 Tiền trả nợ gốc vay		(600.000.000)	(600.000.000)
36	2 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(600.000.000)	(600.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(4.407.408.360)	(4.566.344.278)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	V.1	195.163.765.479	199.730.109.757
61	- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	190.756.357.119	195.163.765.479

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2019

Kế toán trưởng



Đỗ Thanh Thành

Giám đốc



Lê Thành Khoa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không thể tách rời các Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2018 của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Thanh Niên Xung Phong (gọi tắt là Công ty).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH MTV 100% vốn sở hữu Nhà nước

Lĩnh vực kinh doanh: Các dịch vụ Công ích, Kinh doanh bất động sản, Xây dựng công trình.

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu trong năm: Dịch vụ Công ích, dịch vụ vệ sinh Công cộng, dịch vụ vận tải đường thủy, Xây dựng công trình, Kinh doanh bất động sản, các hoạt động thương mại khác....

Trụ sở chính của Công ty: tọa lạc tại địa chỉ số 19 Yersin, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số lao động: Số lao động đến ngày 31/12/2018 là 1.577 người.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng ghi chép kế toán và lập báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

Chu kỳ sản xuất kinh doanh

Các hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng. Các hoạt động xây dựng, thi công công trình và kinh doanh bất động sản của Công ty có thể có chu kỳ kinh doanh dài hơn 12 tháng tùy theo từng dự án.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Trong niên độ kế toán này, Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính).

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THANH NIÊN XUNG PHONG

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2018

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính riêng đã được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Hình thức sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán là hình thức chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với năm trước.

Các ước tính

Việc chuẩn bị báo cáo tài chính tuân thủ theo với Hệ thống Kế toán Việt Nam, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, các khoản phải trả, các thuyết minh về tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày của báo cáo tài chính và số liệu về doanh thu và chi phí trong giai đoạn báo cáo. Kết quả thực tế có thể khác với những ước tính này.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn và các khoản tương đương tiền (bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VNĐ) được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế tại thời điểm phát sinh, chênh lệch tỷ giá được tính vào thu nhập hoặc chi phí tài chính và được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi trên hóa đơn, chứng từ gốc trừ dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THANH NIÊN XUNG PHONG

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2018

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải thu.

Phương pháp lập dự phòng nợ phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

Nguyên tắc ghi nhận Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho : Bình quân gia quyền cuối kỳ.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : Kế khai thường xuyên

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong niên độ kế toán

Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán.

Chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

- * Nguyên tắc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và vô hình: Theo nguyên giá

Trong bảng Cân đối kế toán, Tài sản cố định hữu hình và vô hình được phản ánh theo 3 chỉ tiêu: Nguyên giá, Hao mòn lũy kế và Giá trị còn lại. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THANH NIÊN XUNG PHONG

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2018

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

*** Khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình:**

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 05 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Số năm khấu hao của các nhóm Tài sản cố định hữu hình như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 – 50 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 03 – 20 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 04 – 30 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 05 – 10 năm |
| - Tài sản cố định khác | 05 – 10 năm |

Số năm khấu hao của các nhóm Tài sản cố định vô hình như sau:

- | | |
|---------------------|-------------|
| - Phần mềm máy tính | 05 - 07 năm |
|---------------------|-------------|

Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm: chi phí mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình. Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận khi công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các Công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này. Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trên BCTC theo phương pháp giá gốc.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn, đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác: Là các khoản đầu tư như: trái phiếu, cổ phiếu, cho vay... hoặc các khoản vốn công ty đang đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được thành lập theo quy định của pháp luật mà chỉ nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết và thời hạn thu hồi dưới 1 năm (đầu tư ngắn hạn) hoặc trên 1 năm (đầu tư dài hạn). Các khoản đầu tư này được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính: Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn và dài hạn được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) của chứng khoán đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc. Nếu không xác định được giá thị trường của chứng khoán thì không trích lập dự phòng.

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THANH NIÊN XUNG PHONG

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2018

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác được lập khi Công ty xác định được các khoản đầu tư này bị giảm sút giá trị không phải tạm thời và ngoài kế hoạch do kết quả hoạt động của các công ty được đầu tư bị lỗ.

Nợ phải trả

Nợ phải trả được ghi nhận trong Bảng cân đối kế toán khi có đủ điều kiện chắc chắn là Công ty sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại mà Công ty phải thanh toán, và khoản nợ phải trả đó phải xác định được một cách đáng tin cậy. Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải trả.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả: được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ gồm những chi phí sau: chi phí xây dựng, chi phí vật tư, điện nước, chi phí thuê mặt bằng và các chi phí phải trả khác.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh (trừ trường hợp được vốn hóa khi các chi phí này liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang - theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 16 "Chi phí đi vay")

Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ: Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của Công ty. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- * Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu: Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp
- * Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên bảng Cân đối kế toán là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Trích lập các quỹ

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THANH NIÊN XUNG PHONG

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2018

Các quỹ của Công ty được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty, mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Quyết định của Hội đồng thành viên hàng năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa sang người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hoặc kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện Hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch cũng như số tiền ghi trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện Hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch được xác định tương đối chắc chắn; có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán; xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Khi kết quả giao dịch không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THANH NIÊN XUNG PHONG

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2018

Doanh thu và chi phí liên quan tới cùng một giao dịch phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận đúng kỳ và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí sản xuất vượt trên mức bình thường được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh và đúng kỳ kế toán.

Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Việc ghi nhận chi phí ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn. Chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ. Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo những cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính sẽ được xác định một cách chắc chắn theo quyết định cuối cùng của cơ quan Thuế.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra các chính sách tài chính và hoạt động.

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THANH NIÊN XUNG PHONG

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2018

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

ĐVT: VND		
	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
1.1 Tiền mặt	5.653.135.387	2.740.111.025
1.2 Tiền gửi ngân hàng	19.866.445.892	31.557.980.777
1.3 Các khoản tương đương tiền	165.236.775.840	160.865.673.677
Tổng cộng	190.756.357.119	195.163.765.479
2. Các khoản phải thu ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
2.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	124.045.589.548	178.782.866.754
- Ban QLDA& ĐTXD Công trình Huyện Hóc Môn	1.005.613.933	1.005.613.933
- BQL ĐTXD Công trình Huyện Nhà Bè	6.109.225.103	32.467.992.688
- BQL ĐTXD Công trình Huyện Cần Giờ	40.119.380.021	48.377.188.824
- BQL ĐTXD Công trình Quận 6	2.296.437.976	2.296.437.976
- BQL ĐTXD Công trình Huyện Bình Chánh	7.010.064.688	9.706.403.030
- Công ty Dịch vụ Công ích Huyện Cần Giờ	19.456.146.000	12.870.146.000
- Khu Quản lý Giao thông Đô Thị Số 4	4.369.112.975	5.029.056.000
- Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn Satra	1.297.251.844	1.297.251.844
- Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn TNHH MTV	1.641.351.144	1.641.351.144
- Công ty TNHH Tm Ngân Sơn	11.984.782.252	11.984.782.252
- Công ty CP Thanh Mỹ Lợi	13.521.067.435	13.521.067.435
- Khu Quản lý Giao Thông Đô Thị Số 04	3.148.496.320	1.815.658.000
- Các đối tượng khác	12.086.659.857	36.769.917.628
2.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.931.196.598	2.708.410.315
- Nguyễn Đức Quang	210.868.437	210.868.437
- Công ty TNHH MTV XD TM DV Hàng hải Hải Phúc	2.601.822.850	-
- Công ty TNHH XD ĐT TM Kiến Phong	376.993.283	-
- Công ty TNHH MTV SXTM XNK Tây Nam	219.334.750	-
- Chi cục Đăng kiểm số 6	1.208.524.589	1.207.457.589
- Sở Giao thông Vận tải	526.718.534	526.718.534

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THANH NIÊN XUNG PHONG

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2018

- Công ty CP SX XL và DV TM XA NO CO	189.244.000	189.244.000
- Các nhà cung cấp khác	597.690.155	574.121.755
2.3 Phải thu nội bộ ngắn hạn	18.520.494.902	-
- Phải thu nội bộ các BQL của Công ty	18.520.494.902	-
2.4 Phải thu ngắn hạn khác	252.096.710.701	272.384.029.932
<i>Tạm ứng</i>	<i>201.387.081.566</i>	<i>233.108.179.081</i>
- Nguyễn Văn Dương	8.985.142.245	9.273.421.574
- Nguyễn Vinh Dự	2.018.774.798	32.808.061.035
- Nguyễn Văn Hưng	2.311.000.000	2.311.000.000
- Nguyễn Văn Minh	64.166.647.386	55.058.251.936
- Trần Thượng Nhân	48.989.396.641	54.641.439.781
- Đặng Xuân Phúc	23.890.418.829	23.866.358.036
- Nguyễn Phương Quang	-	2.652.338.250
- Lê Văn Thương	22.481.962.235	22.032.720.925
- Hồ Sỹ Trung	28.093.814.376	28.093.814.376
- Các đối tượng khác	449.925.056	2.370.773.168
<i>Ký cược, ký quỹ</i>	<i>1.298.267.516</i>	<i>1.026.931.376</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>49.411.361.619</i>	<i>38.248.919.475</i>
- Trung tâm Tổ chức biểu diễn và Điện ảnh TP	900.139.182	1.492.537
- Nguyễn Văn Minh	2.273.385.126	2.273.385.126
- Chung cư Phạm Viết Chánh	3.026.905.661	3.026.905.661
- Tổng Cục Thuế - Cục Thuế Tphcm	9.139.174.241	-
- Cổ phần DA Khu tái định cư P10 Q6 và KDC Rạch Ruột Ngựa Q6	662.627.907	662.627.907
- Nguồn quyết toán chung cư Ngô Tất Tố, Phạm Viết Chánh chờ ngân sách cấp	9.596.073.576	9.596.073.576
- Ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh	2.200.000.000	2.200.000.000
- Theo dõi phí bảo lãnh	1.367.618.141	1.111.552.497
- Công ty TNHH TM Ngân Sơn	691.493.400	691.493.400
- Ban bồi thường GPMB Quận 7	12.980.107.130	12.980.107.130
- Các đối tượng khác	6.573.837.255	5.705.281.641

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THANH NIÊN XUNG PHONG

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2018

2.5 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.726.157.261)	(3.523.541.261)
- Tài sản thiếu chờ xử lý của Nông trường 7	(688.947.742)	(688.947.742)
- DA Khu tái định cư P.10 Q.6 và KDC Rạch Ruột Ngựa Q.6	(662.627.907)	(662.627.907)
- Công ty Công trình Giao Thông 1	(443.217.598)	(443.217.598)
- Đường Thượng Hoa	(349.669.723)	(349.669.723)
- CP DA KDC Bình Khánh Huyện Cần Giờ	(239.090.909)	(239.090.909)
- Vũ Văn Chi	(304.975.600)	(304.975.600)
- Các khoản nợ phải thu khó đòi khác	(1.037.627.782)	(695.140.432)
2.6 Tài sản thiếu chờ xử lý	688.947.742	688.947.742
Tài sản thiếu chờ xử lý của Nông trường 7	688.947.742	688.947.742
Tổng cộng	397.556.782.230	451.040.713.482
3. Hàng tồn kho	Số cuối năm	Số đầu năm
3.1 Nguyên vật liệu	292.406.574	1.050.272.513
3.2 Chi phí SXKD DD ngắn hạn	187.634.522.960	169.704.109.123
- Dự án Tân Thới Hiệp	52.883.901.994	52.883.901.994
- Dự án Bình Trị Đông TK2	35.377.187.719	24.967.455.115
- Dự án Bình Trị Đông TK1	25.299.996.226	19.223.365.866
- Dự án khu đất Phú Mỹ Q.7	12.811.388.757	11.479.789.307
- XD đường Lương Văn Nho huyện Cần Giờ	10.089.868.931	980.201.282
- DA Khu Nhà ở Linh Trung (Con Nai Vàng)	5.205.180.014	4.518.545.148
- Dự án Hiệp Bình Phước	4.900.694.160	5.952.803.251
- DA Chung Cư Linh Trung	4.308.728.761	4.308.728.761
- Dự án Nam Hòa	4.206.718.216	9.953.160.279
- Đường vào Trung tâm Thương mại Bình Điền	3.502.624.949	3.502.624.949
- Đường Rừng Sác - Cần Giờ - Giai đoạn 1	3.473.340.388	3.473.340.388
- Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Hữu Trí - gói 01	2.922.778.764	3.000.913.026
- Các chi phí dở dang khác	22.652.114.081	25.459.279.757
3.3 Thành phẩm	-	576.705.383
3.4 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(413.944.184)
Tổng cộng	187.926.929.534	170.917.142.835

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THANH NIÊN XUNG PHONG

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2018

4. Tài sản ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
4.1 Chi phí trả trước ngắn hạn	1.302.088.514	1.308.594.291
- Chi phí trả trước ngắn hạn chi phí	1.064.210.830	1.028.566.656
- Chi phí trả trước ngắn hạn CCDC	237.877.684	280.027.635
4.2 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	5.035.373.519	4.567.245.492
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.702.547.112	3.702.547.112
- Thuế Thu nhập cá nhân	1.332.826.407	860.116.288
- Thuế Nhà đất và Tiền thuê đất	-	4.582.092
Cộng	6.337.462.033	5.875.839.783
5. Các khoản phải thu dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền ký quỹ bảo đảm thực hiện DA " Khu DC và TM Phú Mỹ" theo thỏa thuận số 16/TTKQ-2018	17.180.000.000	-

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THANH NIÊN XUNG PHONG

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2018

6. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiêu	Nhóm TSCĐ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
- Số đầu năm		29.057.406.123	3.962.081.199	233.872.687.896	1.764.230.500	2.398.830.896	271.055.236.614
- Tăng trong năm		17.077.541.004	975.155.000	9.757.864.384	236.624.000	-	28.047.184.388
- Giảm trong năm		-	-	10.574.364.384	-	-	10.574.364.384
- Số cuối năm		46.134.947.127	4.937.236.199	233.056.187.896	2.000.854.500	2.398.830.896	288.528.056.618
Giá trị hao mòn							
- Số đầu năm		11.540.367.231	3.278.113.307	109.010.341.739	1.543.062.256	1.971.830.407	127.343.714.940
- Khấu hao trong năm		2.684.779.295	542.759.347	21.131.156.440	146.808.644	212.861.244	24.718.364.970
- Giảm trong năm		-	-	4.334.910.136	-	-	4.334.910.136
- Số cuối năm		14.225.146.526	3.820.872.654	125.806.588.043	1.689.870.900	2.184.691.651	147.727.169.774
Giá trị còn lại							
- Tại ngày đầu năm		17.517.038.892	683.967.892	124.862.346.157	221.168.244	427.000.489	143.711.521.674
- Tại ngày cuối năm		31.909.800.601	1.116.363.545	107.249.599.853	310.983.600	214.139.245	140.800.886.844

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THANH NIÊN XUNG PHONG

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2018

7. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính	Số đầu năm	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số cuối năm
- Nguyên giá	610.353.800	41.940.000	-	652.293.800
- Giá trị hao mòn	(610.353.800)	(12.504.333)	-	(622.858.133)
- Giá trị còn lại	-	29.435.667	-	29.435.667

8. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15.855.631.164	34.394.552.050
- Nội thất Văn phòng 172 - 174 Nguyễn Trãi	-	3.085.139.090
- Dự án Dã Cầu Sài Gòn	8.316.675.158	8.316.675.158
- Công trình 172 - 174 Nguyễn Trãi	-	13.695.682.750
- Dự án Bình Trị Đông TK1	4.578.795.558	5.318.321.261
- Dự án Bình Trị Đông TK2	2.663.214.686	3.910.419.536
- Các chi phí duy tu, sửa chữa khác	296.945.762	68.314.255

9. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
9.1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	125.926.557.269	126.813.084.183
- TT Tổ chức biểu diễn và Điện ảnh Thành phố	1.351.557.269	2.238.084.183
- Công ty TNHH DV Bảo vệ TNXP	2.000.000.000	2.000.000.000
- Công ty CP Phát triển Nông nghiệp TNXP	37.000.000.000	37.000.000.000
- Công ty CP Cảng Cát Lái	84.295.000.000	84.295.000.000
- Công ty CP Du Lịch TNXP (V.Y.C)	1.280.000.000	1.280.000.000
9.2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	35.992.900.000	35.992.900.000
- Công ty CP Đầu tư Hạ Tầng Kỹ Thuật	7.507.900.000	7.507.900.000
- Công ty CP Bất động sản Sài Gòn Vina	22.485.000.000	22.485.000.000
- Xí Nghiệp chăn nuôi heo Tây Nguyên	6.000.000.000	6.000.000.000
9.3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(30.454.878.213)	(30.894.676.756)
- Công ty CP Phát triển Nông nghiệp TNXP	(27.551.721.980)	(27.991.520.523)
- Xí nghiệp Chăn nuôi heo Tây Nguyên	(2.903.156.233)	(2.903.156.233)
Tổng cộng	131.464.579.056	131.911.307.427

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THANH NIÊN XUNG PHONG

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2018

10. Tài sản dài hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
10.1 Chi phí trả trước dài hạn	10.370.820.410	10.965.470.045
- Tiền thuê đất Cụm công nghiệp Nhị Xuân	8.083.771.105	8.291.047.288
- Nhà vệ sinh công cộng	347.077.371	907.278.289
- Chi phí sửa PX1, PX4 Khu Tổng hợp Nhị Xuân	518.112.698	500.167.245
- Chi phí xây dựng bãi xe vi phạm	315.916.500	480.742.500
- Nhà vệ sinh số 58	258.583.329	287.583.333
- Chi phí bảo hiểm thân tàu	-	360.139.022
- Chi phí khác chờ phân bổ	847.359.407	138.512.368
10.2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.173.788.442	2.173.788.442
- Thuế TNDN tạm nộp 1% của DA CC Thanh Mỹ Lợi	2.173.788.442	2.173.788.442
Tổng cộng	12.544.608.852	13.139.258.487
11. Nợ ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
11.1. Phải trả người bán ngắn hạn	315.372.343.090	358.806.911.553
- Trần Thượng Nhân	54.412.080.831	54.122.276.172
- Lê Văn Thương	32.161.204.765	32.719.355.490
- Đặng Xuân Phúc	19.181.110.946	19.181.110.946
- Nguyễn Thị Đẹp	8.089.737.162	8.089.737.162
- Hồ Sỹ Trung	44.314.235.221	44.314.235.221
- Nguyễn Văn Minh	70.529.574.516	75.501.649.256
- Nguyễn Vinh Dự	1.966.132.303	32.778.261.065
- Nguyễn Văn Dương	11.369.276.128	11.657.555.457
- Nguyễn Thanh Châu	3.967.536.732	3.967.536.732
- Công ty Cổ phần Cơ khí Giao Thông Quận 4	5.332.438.510	2.510.376.031
- Công ty TNHH Vạn Nguyên Phát	11.572.920.000	13.618.751.200
- Công ty Cổ phần Ngân Thạnh	2.252.373.700	4.726.679.501
- Công ty TNHH TM - XD Kiều Phương	19.534.203.000	5.864.743.000
- Công ty TNHH PHÚ THỊNH	3.152.076.397	2.585.884.784
- Các đối tượng khác	27.537.442.879	47.168.759.536
11.2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	745.876.420	837.458.122
- BQL DA Đại Lộ Đông Tây	143.628.500	143.628.500
- Ban QLDA & ĐTXD Công Trình Quận 5	180.279.000	180.279.000

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THANH NIÊN XUNG PHONG

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2018

- Nguyễn Tiến Hải	36.300.000	36.300.000
- Lê Văn Khánh (9.09C)	316.162.640	316.162.640
- Các đối tượng khác	69.506.280	161.087.982
11.3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.462.759.881	7.582.543.172
- Thuế giá trị gia tăng	1.058.036.929	7.180.279.869
- Phí, lệ phí, các khoản khác phải nộp ngân sách	404.722.952	402.263.303
11.4. Phải trả người lao động	27.425.302.346	30.009.240.896
- Phải trả công nhân viên	26.134.992.850	28.978.618.829
- Phải trả BQLđiều hành	1.290.309.496	1.030.622.067
11.5. Chi phí phải trả ngắn hạn	46.457.075.980	69.641.652.784
- XD HTKT khu tái định cư T30 - Gói thầu XL và cung cấp, lắp Thiết bị - Huyện Nhà Bè	1.194.097.250	3.721.750.084
- NC, MR đường Nguyễn Bình - Giai đoạn 2	8.550.177.416	20.885.567.860
- Tu sửa cấp thiết và tu bổ Di tích Kiến trúc Nghệ Thuật cấp Thành phố Đình Phú Xuân, H. Nhà Bè	1.719.898.445	-
- SLMB Khu dân cư Cá Cháy - Doi Lầu - Khu A	3.340.654.545	-
- SLMB Khu dân cư Cá Cháy - Doi Lầu - Khu B	2.437.063.635	-
- Nâng cấp đường Lý Nhơn - Cần Giờ	5.262.694.372	5.262.694.372
- Nâng cấp đường Nguyễn Văn Tạo - Nhà Bè	2.764.939.417	9.355.014.933
- Đường Tam Thôn Hiệp - Cần Giờ	2.221.995.131	2.222.272.727
- XD HTTN và MR đường Trần Đại Nghĩa	2.120.968.125	3.587.932.925
- XD đường Lương Văn Nho huyện Cần Giờ	1.583.128.864	-
- Đường Rừng Sác - Cần Giờ - Giai đoạn hoàn chỉnh - Đoạn 02	315.482.631	6.461.282.631
- Đường Rừng Sác - Cần Giờ - Giai đoạn hoàn chỉnh - Đoạn 3A	2.584.647.180	2.584.647.180
- Đường Rừng Sác - Cần Giờ - Giai đoạn hoàn chỉnh - Đoạn 3B	5.537.743.099	5.537.743.099
- Đường Rừng Sác - Cần Giờ - Giai đoạn hoàn chỉnh - Đoạn 6A	2.894.791.172	2.894.791.172
- Các đối tượng khác	3.928.794.698	7.127.955.801
11.6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	-	1.607.953.592
11.7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	73.234.073.026	74.545.188.273
- Công ty CP Hợp tác Kinh tế và XNK Savimex	11.292.561.547	14.779.610.443
- Công ty TNHH TM - XD Kiều Phương	7.743.210.671	8.421.077.552
- C.ty TNHH XD KD Phát triển Nhà Tân Lập Sơn	14.656.128.361	7.790.209.635
- Công ty TNHH Thương mại Ngân Sơn	4.567.753.708	5.243.351.815
- Các đối tượng khác	34.974.418.739	38.310.938.828

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THANH NIÊN XUNG PHONG

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2018

11.8. Phải trả ngắn hạn khác	22.856.678.338	22.071.270.201
- Kinh phí công đoàn	730.368.855	856.025.957
- Bảo hiểm y tế	1.436.363.218	1.062.555.265
- Bảo hiểm thất nghiệp	1.022.955.630	965.171.937
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.197.532.400	2.924.132.400
- Chung cư Ngô Tất Tố	4.297.573.251	4.034.261.030
- Chung cư Phạm Viêt Chánh	2.738.765.546	2.738.765.546
- Nguyễn Thị Năm	2.666.441.563	2.527.255.423
- Nguyễn Văn Bốn	1.840.334.277	1.744.270.209
- Các khoản phải trả khác	4.926.343.598	5.218.832.434
11.9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	30.113.519.847	12.647.340.633
- Quỹ khen thưởng	5.547.731.172	1.278.206.551
- Quỹ phúc lợi	23.604.930.398	11.058.081.263
- Quỹ khen thưởng Ban Điều hành Công ty	960.858.277	311.052.819
Tổng cộng	517.667.628.928	577.749.559.226
12. Nợ dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
12.1 Phải trả dài hạn khác	79.440.672.419	64.298.152.812
- Công ty TNHH ĐT TM Phú Mỹ	43.900.233.452	25.321.604.269
- Công ty CP Địa ốc SCT	23.636.426.480	22.983.376.725
- Công ty TNHH ĐT-XD và TM Thuận Tài Tài	-	4.088.572.971
- Công trình liên Tỉnh lộ 25	3.053.566.542	3.053.566.542
- Công ty CP SX Xây dựng Hoàng Ngân	2.000.000.000	2.000.000.000
- Công ty Lâm Nghiệp Sài Gòn (DA 369 NTL)	1.629.240.000	1.629.240.000
- Phải trả dài hạn khác	5.221.205.945	5.221.792.305
11.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	8.960.681.162	9.560.681.162
- Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Tp.HCM	8.960.681.162	9.560.681.162
<i>Khoản vay Công ty Đầu tư tài chính Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng vay vốn ủy thác đầu tư số 61/99 HĐTD-UT ký ngày 22/04/1999. Số tiền vay: 20 tỷ đồng. Mục đích vay: thực hiện dự án nhà chung cư Ngô Tất Tố. Lãi suất vay: 0%/tháng. Phí quản lý tài khoản là 0,07%/tháng.</i>		
<i>Theo phụ kiện hợp đồng số 180/2009/PKHĐTD-QĐT-UT ký ngày 24/09/2009, lịch trả nợ vay được điều chỉnh là 150.000.000đ/quý, bắt đầu từ quý IV năm 2009.</i>		
12.3 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	806.033.883	906.033.883
Tổng cộng	89.207.387.464	74.764.867.857

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THANH NIÊN XUNG PHONG

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2018

13. Vốn chủ sở hữu

STT	Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
I.	Vốn chủ sở hữu				
13.1.	Vốn góp của chủ sở hữu	393.009.657.654	75.868.317.952	-	468.877.975.606
13.2.	Vốn khác của chủ sở hữu	75.868.317.952	-	75.868.317.952	-
13.3.	Quỹ đầu tư phát triển	-	2.406.759.574	-	2.406.759.574
13.3.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.569.844.601	23.901.293.534	26.471.138.135	-
	TỔNG CỘNG	471.447.820.207	102.176.371.060	102.339.456.087	471.284.735.180

(*) Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số **0300691622**, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 8 năm 2010, thay đổi lần thứ 8 vào ngày 05/02/2018 vốn điều lệ của Công ty là 469.946.000.000 đồng. Vốn góp của chủ sở hữu Công ty trong năm đã tăng lên 75.868.317.952 căn cứ quyết định số 303/QĐ-UBND ngày 22/1/2018 của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh từ các nguồn vốn bổ sung.

(*) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**Năm nay**

Lợi nhuận năm trước chuyển năm nay	-	2.569.844.601
- Lợi nhuận còn lại do nộp thừa 2013-2016	-	9.139.174.241
- Tổng lợi nhuận chưa phân phối năm trước	-	11.709.018.842
Lợi nhuận phân phối cho các quỹ		(11.709.018.842)
+ Trích Quỹ khen thưởng		(2.479.359.187)
+ Trích Quỹ phúc lợi		(6.517.436.748)
+ Trích Quỹ khen thưởng Ban điều hành		(305.463.333)
+ Trích Quỹ Đầu tư phát triển		(2.406.759.574)
Lợi nhuận năm trước chuyển năm nay		-
Lợi nhuận sau thuế năm nay		14.762.119.293
Phân phối lợi nhuận năm nay		(14.762.119.293)
+ Trích Quỹ khen thưởng		(2.883.075.434)
+ Trích Quỹ phúc lợi		(11.532.301.734)
+ Trích Quỹ khen thưởng Ban điều hành		(346.742.125)
Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế chuyển năm sau		-

14. Nguồn kinh phí**Số cuối năm****Số đầu năm**

- Nguồn kinh phí	5.865.469.274	5.764.402.274
- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	16.427.451.653	16.427.451.653
Cộng	22.292.920.927	22.191.853.927

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THANH NIÊN XUNG PHONG

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2018

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**ĐVT: VNĐ**

	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	105.890.098.866	162.246.757.826
- Doanh thu công trình xây dựng	103.588.173.535	108.156.613.688
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	186.894.209.735	180.948.161.916
- Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	1.323.021.499	2.488.634.597
Cộng	397.695.503.635	453.840.168.027
2. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn kinh doanh bất động sản	104.886.470.957	161.139.318.982
- Giá vốn thi công xây dựng	99.873.992.113	104.138.236.262
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	157.189.827.974	140.290.572.145
- Giá vốn hàng hóa đã bán	909.077.315	1.586.843.892
Cộng	362.859.368.359	407.154.971.281
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi ngân hàng	7.539.605.618	8.292.518.946
- Lãi từ cổ tức được chia	15.325.500.000	15.863.334.220
- Lãi chênh lệch tỷ giá	-	150.019
Cộng	22.865.105.618	24.156.003.185
4. Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
- Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(439.798.543)	13.209.360.980
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	31.886.178.141	35.123.785.975
- Chi phí vật liệu quản lý	183.606.427	81.650.635
- Chi phí đồ dùng văn phòng	331.503.061	869.602.402
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.861.856.886	451.504.643
- Thuế, phí và lệ phí	1.325.473.483	916.799.398
- Chi phí dự phòng	202.616.000	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.718.425.333	2.753.393.245
- Chi phí bằng tiền khác	4.627.853.317	2.365.215.179
Cộng	43.137.512.648	42.561.951.477

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THANH NIÊN XUNG PHONG

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2018

6. Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
- Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	136.363.637
- Thu hộ tiền điện, nước và dịch vụ khác	980.279.744	1.267.619.912
- Thu nhập khác	455.718.444	1.961.033.648
Cộng	1.435.998.188	3.365.017.197
7. Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nộp phạt	-	1.202.330.601
- Chi phí điện, nước chi hộ	980.279.744	2.196.609.906
- Chi phí khác	697.125.940	1.247.382.193
Cộng	1.677.405.684	4.646.322.700
8. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.762.119.293	13.788.581.971
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	367.303.460	2.269.847.815
- Chi phí không được trừ khi quyết toán thuế TNDN	367.303.460	2.269.847.815
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	(15.325.500.000)	(15.863.334.220)
- Lợi nhuận cổ tức được chia	(15.325.500.000)	(15.863.334.220)
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	(196.077.247)	16.058.429.786
Trong đó:		
- Thu nhập chịu thuế từ hoạt động SXKD	24.950.136.553	29.296.847.650
- Bù trừ lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	(9.820.713.800)	(13.238.417.864)
- Thu nhập miễn thuế từ cổ tức được chia	(15.325.500.000)	(15.863.334.220)
Thu nhập tính thuế	(196.077.247)	195.095.566
- Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	39.019.113

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán 2018**

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THANH NIÊN XUNG PHONG

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2018

2. Thông tin về các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch phát sinh trong năm	Số tiền	
			Phát sinh nợ	Phát sinh có
1. Trung tâm Tổ chức biểu diễn và Điện ảnh thành phố	Công ty Liên doanh, liên kết	Phải thu ngắn hạn khác	141.103.895	128.984.164
		Phải thu khách hàng	438.900.000	399.300.000
2. Công ty CP Cảng Cát Lái	Công ty Liên doanh, liên kết	Phải trả ngắn hạn khác	14.997.500.000	14.997.500.000
3. Công ty TNHH DV Bảo vệ TNXP	Công ty Liên doanh, liên kết	Phải thu khách hàng	920.500.000	710.500.000
		Phải thu, phải trả ngắn hạn khác	200.000.000	200.000.000
4. Ban điều hành	Ban lãnh đạo Công ty	Lương ban điều hành	2.514.249.571	2.773.937.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư các khoản nợ với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung	Số tiền
Công ty TNHH DV Bảo vệ TNXP	Phải thu khách hàng	420.000.000
TT Tổ chức biểu diễn và Điện ảnh Thành phố	Phải thu khách hàng	108.900.000
	Phải thu khác	13.612.268
Cộng nợ phải thu		542.512.268
Bên liên quan	Nội dung	
Công ty TNHH DV Bảo vệ TNXP	Phải trả khác	16.200.000
Công ty CP Cảng Cát Lái	Phải trả khác	34.215.306
Ban điều hành	Lương phải trả	1.290.309.496
Cộng nợ phải trả		1.340.724.802

3. Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang phát sinh các khoản thuê hoạt động sau:

- Hợp đồng thuê đất số 6651/HĐ-TNMT-VPĐK ngày 09/10/2013 của Ủy Ban Nhân dân TP.HCM tại số 381 Lê Văn Khương, Phường Hiệp Thành, Quận 12, TP.HCM. Diện tích đất thuê là 11.493 m², thời hạn thuê đến hết năm 2020, giá thuê đất trước năm 2011 là 10.000 đồng/m2/năm, giá thuê đất từ 2011 là 37.200 đồng/m2/năm.
- Hợp đồng số 32/HĐ-TNXP ngày 29/7/2013 về việc thuê tại thửa đất số 101-5 và 101-6 (lô A5 và A6) tại Cụm Công nghiệp Nhị Xuân, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn, TP.HCM của Lực lượng Thanh niên Xung phong TP.HCM. Diện tích thuê là 13.192,5 m², thời hạn thuê đến hết ngày 09/01/2058, đơn giá thuê là 15.000 đồng/m2/năm. Công ty đã thanh toán toàn bộ tiền thuê và tổng giá trị là 10.230.784.300 đồng và hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn.

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THANH NIÊN XUNG PHONG

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2018

4. Thông tin so sánh

Số liệu đầu năm trên bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm trước đã được Công ty điều chỉnh hồi tố lại theo Biên bản của các Cơ quan liên ngành (Thanh tra Tài chính, Cơ quan Thuế và các Ban ngành khác...) như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chi tiêu	Mã số	Số trước điều chỉnh 31/12/2017	Số điều chỉnh theo Cơ quan chức năng	Số sau điều chỉnh 31/12/2017
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	841.550.069.635	(18.552.608.056)	822.997.461.579
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	450.145.663.905	895.049.577	451.040.713.482
Phải thu ngắn hạn khác	136	271.349.109.005	1.034.920.927	272.384.029.932
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(3.383.669.911)	(139.871.350)	(3.523.541.261)
Hàng tồn kho	140	190.130.081.786	(19.212.938.951)	170.917.142.835
Hàng tồn kho	141	190.544.025.970	(19.212.938.951)	171.331.087.019
Tài sản ngắn hạn khác	150	6.110.558.465	(234.718.682)	5.875.839.783
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	1.473.045.641	(164.451.350)	1.308.594.291
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	4.637.512.824	(70.267.332)	4.567.245.492
TÀI SẢN DÀI HẠN	200	366.029.115.464	(42.872.475.826)	323.156.639.638
Tài sản dở dang dài hạn	240	77.267.027.876	(42.872.475.826)	34.394.552.050
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	77.267.027.876	(42.872.475.826)	34.394.552.050
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	1.207.579.185.099	(61.425.083.882)	1.146.154.101.217
NỢ PHẢI TRẢ	300	670.582.911.788	(18.068.484.705)	652.514.427.083
Nợ ngắn hạn	310	595.824.077.814	(18.074.518.588)	577.749.559.226
Phải trả người bán ngắn hạn	311	377.044.820.325	(18.237.908.772)	358.806.911.553
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.266.783.411	2.315.759.761	7.582.543.172
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	71.742.892.784	(2.101.240.000)	69.641.652.784
Phải trả ngắn hạn khác	319	22.126.629.778	(55.359.577)	22.071.270.201
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	12.643.110.633	4.230.000	12.647.340.633
Nợ dài hạn	330	74.758.833.974	6.033.883	74.764.867.857
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	900.000.000	6.033.883	906.033.883
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	536.996.273.311	(43.356.599.177)	493.639.674.134
Vốn chủ sở hữu	410	471.931.943.558	(484.123.351)	471.447.820.207
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	3.053.967.952	(484.123.351)	2.569.844.601
Nguồn kinh phí	430	65.064.329.753	(42.872.475.826)	22.191.853.927
Nguồn kinh phí	431	48.636.878.100	(42.872.475.826)	5.764.402.274
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	1.207.579.185.099	(61.425.083.882)	1.146.154.101.217

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THANH NIÊN XUNG PHONG

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chỉ tiêu	Mã số	Số trước điều chỉnh 31/12/2017	Số điều chỉnh theo Cơ quan chức năng	Số sau điều chỉnh 31/12/2017
Giá vốn hàng bán	11	406.625.866.993	529.104.288	407.154.971.281
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	42.555.917.594	6.033.883	42.561.951.477
Chi phí khác	32	4.642.092.700	4.230.000	4.646.322.700
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	14.327.950.142	(539.368.171)	13.788.581.971
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	146.892.747	(107.873.634)	39.019.113
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	60	14.181.057.395	(431.494.537)	13.749.562.858

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2019.

Kế toán trưởng



Đỗ Thanh Thành

Giám đốc



Lê Thành Khoa

